

# HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CHO NÔNG NGHIỆP XANH, TUẦN HOÀN, GIẢM PHÁT THẢI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY TIẾP CẬN TÀI CHÍNH XANH CỤC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

---

## TÓM TẮT

Chuyển đổi sang nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn, phát thải thấp và phát triển bền vững đang trở thành xu thế tất yếu của toàn cầu trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng, suy giảm tài nguyên thiên nhiên và yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Đối với Việt Nam, cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 cùng việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc hệ thống sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp.

Tuy nhiên, chuyển đổi xanh trong nông nghiệp không chỉ là bài toán công nghệ hay tổ chức sản xuất mà trước hết là thách thức về huy động và phân bổ nguồn lực tài chính. Nông nghiệp xanh đòi hỏi đầu tư lớn cho hạ tầng xử lý chất thải, năng lượng tái tạo, công nghệ giảm phát thải, chuyển đổi số, quản trị carbon, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận tiêu chuẩn xanh. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã (HTX), trang trại và hộ sản xuất tại Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng do hạn chế về quy mô vốn, tài sản bảo đảm, năng lực quản trị và khả năng xây dựng phương án kinh doanh đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tài chính.

Bài viết phân tích bối cảnh chuyển đổi xanh trong nông nghiệp Việt Nam; đánh giá thực trạng huy động và phân bổ nguồn lực tài chính; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về tài chính xanh nông nghiệp; đồng thời làm rõ những điểm nghẽn trong tiếp cận vốn của doanh nghiệp, HTX và trang trại. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế tài chính xanh, đổi mới công cụ tín dụng, thúc đẩy tài chính chuỗi giá trị, phát triển bảo hiểm nông nghiệp, thị trường carbon và nâng cao vai trò của HTX như một thiết chế trung gian trong hấp thụ và phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ chuyển đổi xanh.

**Từ khóa:** tài chính xanh; tín dụng xanh; nông nghiệp tuần hoàn; giảm phát thải; HTX nông nghiệp; carbon; phát triển bền vững.

## I. MỞ ĐẦU

Nông nghiệp toàn cầu đang đứng trước một sự chuyển dịch mang tính cấu trúc khi mục tiêu tăng trưởng không còn chỉ dựa vào gia tăng sản lượng mà ngày càng gắn với yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ hệ sinh thái và phát triển bền vững. Theo đánh giá của Ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất (AFOLU) hiện chiếm khoảng 22–24% tổng phát thải khí nhà kính toàn cầu, đồng thời là khu vực chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Điều này khiến phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và carbon thấp không còn là lựa chọn chính sách mà trở thành yêu cầu bắt buộc để bảo đảm năng lực cạnh tranh và duy trì khả năng tham gia thị trường quốc tế.

Đối với Việt Nam, nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực, sinh kế cho người dân nông thôn và ổn định kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực phát thải đáng kể, đặc biệt từ sản xuất lúa nước, chăn nuôi, sử dụng phân bón hóa học và quản lý phụ phẩm nông nghiệp. Cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 tại COP26, cùng với yêu cầu thực hiện NDC cập nhật, đang đặt ngành nông nghiệp trước yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ sang mô hình sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp.

Thực tế cho thấy, thách thức lớn nhất của quá trình chuyển đổi này không chỉ nằm ở công nghệ hay nhận thức mà trước hết là **nguồn lực tài chính**. Khác với sản xuất truyền thống, nông nghiệp xanh đòi hỏi đầu tư lớn cho hạ tầng xử lý chất thải, hệ thống tưới tiết kiệm nước, công nghệ số, năng lượng tái tạo, chứng nhận xanh, đo lường phát thải và quản trị chuỗi giá trị. Trong khi đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa, HTX, trang trại và hộ sản xuất – vốn là lực lượng chủ thể của nông nghiệp Việt Nam – lại thường gặp khó khăn trong tiếp cận vốn do quy mô nhỏ, thiếu tài sản bảo đảm và hạn chế về quản trị tài chính.

Mặc dù Việt Nam đã từng bước hình thành khung chính sách về tăng trưởng xanh, tín dụng xanh, hỗ trợ HTX, bảo hiểm nông nghiệp và thị trường carbon, song hệ thống tài chính cho chuyển đổi xanh trong nông nghiệp vẫn còn phân tán, thiếu tính tích hợp và chưa tạo được cơ chế hấp thụ vốn hiệu quả cho khu vực sản xuất. Khoảng cách giữa yêu cầu của hệ thống tài chính xanh hiện đại với thực trạng tổ chức sản xuất, quản trị và liên kết chuỗi của doanh nghiệp, HTX và người sản xuất vẫn còn khá lớn.

Từ thực tiễn đó, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi chính: (i) Việt Nam đang đối mặt với những áp lực tài chính nào trong chuyển đổi sang nông nghiệp xanh, tuần hoàn và giảm phát thải; (ii) vì sao doanh nghiệp, HTX và trang trại vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận tài chính xanh; và (iii) cần hoàn thiện chính sách như thế nào để huy động, phân bổ và hấp thụ hiệu quả nguồn lực tài chính phục vụ chuyển đổi xanh trong nông nghiệp.

## II. BỐI CẢNH NÔNG NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SANG NÔNG NGHIỆP XANH, TUẦN HOÀN VÀ GIẢM PHÁT THẢI

### 1. Xu thế toàn cầu: nông nghiệp xanh từ lựa chọn trở thành yêu cầu tất yếu

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, nông nghiệp toàn cầu đang chuyển dịch mạnh từ mục tiêu gia tăng sản lượng sang mô hình phát triển bảo đảm đồng thời hiệu quả kinh tế, bền vững môi trường và công bằng xã hội. Động lực lớn nhất của sự chuyển dịch này là biến đổi khí hậu và yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính.

Theo FAO, nếu không có giải pháp thích ứng và giảm nhẹ hiệu quả, năng suất một số cây trồng chủ lực toàn cầu có thể giảm **10–25% vào năm 2050**, trong khi nhu cầu lương thực dự báo tăng khoảng **50%** do gia tăng dân số. Trong bối cảnh đó, Thỏa thuận Paris năm 2015 đã trở thành khuôn khổ định hướng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển carbon thấp, với hơn **150 quốc gia cam kết phát thải ròng bằng “0” hoặc phát thải thấp** trong dài hạn.

Song song với đó, các tiêu chuẩn **ESG (Environmental, Social and Governance)** ngày càng trở thành điều kiện quan trọng trong tiếp cận vốn đầu tư, thương mại quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư đang chuyển mạnh sang mô hình đầu tư bền vững, trong đó hiệu quả môi trường trở thành tiêu chí tài chính quan trọng. Theo Climate Policy Initiative, quy mô thị trường tài chính xanh toàn cầu đạt khoảng **2,3 nghìn tỷ USD năm 2023**, tăng hơn **300% so với năm 2018**.

Đặc biệt, việc Liên minh châu Âu triển khai **Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM)** cùng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, chống mất rừng, bảo vệ đa dạng sinh học và trách nhiệm môi trường đang tạo áp lực lớn đối với nông sản xuất khẩu. Trong tương lai gần, năng lực cạnh tranh của nông sản không chỉ phụ thuộc vào giá thành hay chất lượng mà còn phụ thuộc vào “dấu chân carbon” (*carbon footprint*) và mức độ đáp ứng tiêu chuẩn xanh. Vì vậy, nông nghiệp xanh đang dần trở thành điều kiện để duy trì vị thế trên thị trường quốc tế.

### 2. Chuyển đổi nông nghiệp xanh, tuần hoàn và giảm phát thải ở Việt Nam

#### a) Cam kết chính trị mạnh mẽ và yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển

Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi sâu sắc mô hình tăng trưởng nông nghiệp, trong đó phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, sinh thái và phát thải thấp không chỉ là yêu cầu môi trường mà còn là động lực nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành.

Nền tảng chính trị – pháp lý cho quá trình này đã được xác lập khá rõ. Nghị quyết số **19-NQ/TW** định hướng phát triển nền nông nghiệp sinh thái, chuyển từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị; trong khi Nghị quyết số **24-NQ/TW** nhấn mạnh yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát thải thấp. Các định hướng này tiếp tục được cụ thể hóa thông qua Chiến

lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050 và các chương trình phát triển nông nghiệp xanh.

Đặc biệt, cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050 tại COP26 tạo động lực tái cấu trúc mạnh mẽ ngành nông nghiệp. Theo NDC cập nhật năm 2022, Việt Nam đặt mục tiêu giảm đáng kể phát thải khí nhà kính thông qua giảm methane trong canh tác lúa, phát triển chăn nuôi phát thải thấp, quản lý phân bón bền vững và mở rộng kinh tế tuần hoàn.

Ở góc độ thị trường, các FTA thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, UKVFTA cùng cơ chế CBAM đang thay đổi căn bản yêu cầu đối với nông sản xuất khẩu. Các tiêu chuẩn về phát thải carbon, truy xuất nguồn gốc, chống mất rừng và trách nhiệm môi trường ngày càng trở thành điều kiện bắt buộc. Điều này cho thấy chuyển đổi xanh không còn là lựa chọn chính sách mà là yêu cầu để duy trì năng lực cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam.

**Bảng 1. Các cam kết, chiến lược lớn liên quan đến chuyển đổi xanh nông nghiệp của Việt Nam**

Nhóm nội dung cam kết	Nội dung chính	Hàm ý tài chính
Net Zero 2050	Giảm phát thải	Nhu cầu vốn dài hạn
NDC cập nhật	Giảm methane nông nghiệp	Công nghệ xanh
Đề án 1 triệu ha lúa	Giảm phát thải lúa	Tài chính carbon
Chiến lược tăng trưởng xanh	Chuyển đổi mô hình	Tín dụng xanh

**b) Nông nghiệp Việt Nam vừa dễ tổn thương vừa phát thải đáng kể**

Nông nghiệp Việt Nam là một trong những khu vực chịu tác động mạnh nhất của biến đổi khí hậu. Việt Nam được đánh giá thuộc nhóm quốc gia dễ tổn thương trước nước biển dâng, hạn hán, xâm nhập mặn và thiên tai cực đoan; trong đó Đồng bằng sông Cửu Long – vùng sản xuất lúa, thủy sản và cây ăn quả trọng điểm – đang đối mặt với nguy cơ thiếu nước ngọt, sụt lún và xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng.

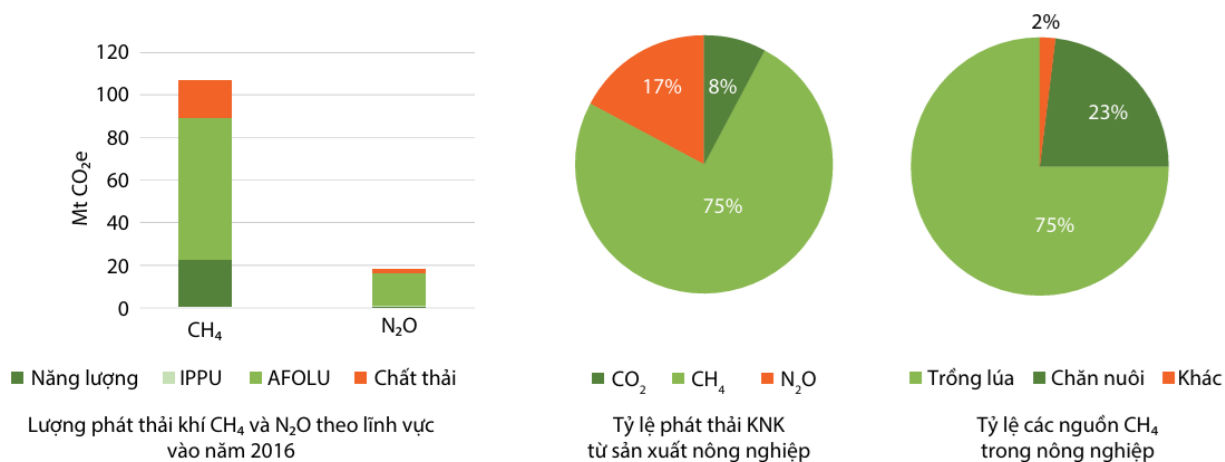
Biến đổi khí hậu không chỉ làm giảm năng suất, tăng chi phí sản xuất mà còn gia tăng rủi ro tài chính trong toàn chuỗi giá trị nông sản. Rủi ro hiện nay không chỉ dừng ở sản xuất mà còn lan sang logistics, thị trường, tín dụng và chính sách, ảnh hưởng tới nông dân, HTX, doanh nghiệp chế biến và phân phối.

Ở chiều ngược lại, nông nghiệp cũng là nguồn phát thải đáng kể của nền kinh tế. Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phát thải khí nhà kính chủ yếu đến từ canh tác lúa nước (methane), chăn nuôi, sử dụng phân bón hóa học (N<sub>2</sub>O) và đốt phụ phẩm nông nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phát triển nông nghiệp tuần hoàn nhằm tái sử dụng phụ phẩm, giảm phát thải và gia tăng giá trị kinh tế.

Thực tế, nhiều mô hình bước đầu chứng minh hiệu quả như tưới ngập khô xen kẽ trong sản xuất lúa, quản trị rơm rạ kết hợp phân hữu cơ và năng lượng sinh khối;

chăn nuôi tuân hoàn sử dụng biogas; tận dụng phụ phẩm thủy sản làm thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón. Tuy nhiên, quy mô triển khai còn nhỏ lẻ, thiếu vốn đầu tư và cơ chế tài chính dài hạn.

**Biểu đồ 1. Phát thải khí mê-tan từ hoạt động sản xuất lúa gạo ở Việt Nam**



### ***c) Xu hướng phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và carbon thấp ở Việt Nam***

Trong những năm gần đây, nông nghiệp Việt Nam đã bắt đầu hình thành rõ nét xu hướng chuyển đổi theo hướng xanh và tuần hoàn.

Thứ nhất, **nông nghiệp hữu cơ và sinh thái** đang phát triển nhanh hơn. Diện tích sản xuất hữu cơ tại Việt Nam đã mở rộng đáng kể, với nhiều sản phẩm như lúa gạo, chè, hồ tiêu, cà phê, trái cây nhiệt đới được xuất khẩu vào các thị trường cao cấp.

Thứ hai, **nông nghiệp tuần hoàn** ngày càng được khuyến khích thông qua tái sử dụng phụ phẩm, chất thải và năng lượng sinh học. Việc phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp không chỉ giảm ô nhiễm môi trường mà còn giúp giảm chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Thứ ba, **nông nghiệp phát thải thấp** đang được triển khai mạnh mẽ thông qua các chương trình quy mô lớn. Điển hình là Đề án phát triển bền vững một triệu hecta lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg, trong đó hướng tới giảm phát thải methane, tiết kiệm nước, tăng giá trị chuỗi ngành hàng lúa gạo và tạo cơ sở tham gia thị trường tín chỉ carbon.

Thứ tư, xu hướng **số hóa và đo lường phát thải (MRV)** đang từng bước được hình thành nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường carbon và tiêu chuẩn quốc tế. Các hệ thống truy xuất nguồn gốc, đo lường phát thải, giám sát quy trình canh tác thông minh đang trở thành công cụ quan trọng để doanh nghiệp và HTX tiếp cận thị trường tài chính xanh.

Tuy nhiên, tốc độ chuyển đổi hiện nay vẫn chưa tương xứng với yêu cầu thực tế do còn nhiều rào cản về vốn, công nghệ, quy mô sản xuất và thể chế hỗ trợ.

### **3. Áp lực tài chính cho chuyển đổi xanh trong nông nghiệp**

#### a) Chuyển đổi xanh đòi hỏi nguồn vốn đầu tư rất lớn

Nếu trước đây đầu tư trong nông nghiệp chủ yếu tập trung vào mở rộng diện tích, giống cây trồng, vật nuôi và thủy lợi, thì chuyển đổi xanh hiện nay đòi hỏi một cấu trúc đầu tư hoàn toàn khác, với yêu cầu vốn lớn hơn, dài hạn hơn và rủi ro cao hơn.

Theo các tổ chức quốc tế, khoảng trống tài chính khí hậu trong nông nghiệp toàn cầu tại các nước đang phát triển được ước tính ở mức trên **300 tỷ USD mỗi năm**. Trong khi đó, Climate Policy Initiative cho rằng tổng nhu cầu tài chính để chuyển đổi hệ thống nông nghiệp – thực phẩm toàn cầu theo hướng phát thải thấp có thể lên tới hàng nghìn tỷ USD/năm trong giai đoạn tới.

Đối với Việt Nam, để thực hiện các cam kết giảm phát thải và thích ứng khí hậu, nhu cầu đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp và sử dụng đất được ước tính lên tới hàng chục tỷ USD trong giai đoạn đến năm 2030. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước khó có khả năng đáp ứng đầy đủ, buộc phải huy động mạnh mẽ nguồn vốn tư nhân và tài chính quốc tế. Theo đánh giá của các nghiên cứu về thực hiện NDC, khoảng 70% nguồn lực thực hiện mục tiêu khí hậu của Việt Nam phải đến từ khu vực tư nhân và nguồn hỗ trợ quốc tế.

#### b) Nhu cầu tài chính ngày càng đa dạng và phức tạp

Áp lực tài chính cho nông nghiệp xanh không chỉ lớn về quy mô mà còn đa dạng về cấu trúc, bao gồm:

(1) Nhu cầu đầu tư hạ tầng xanh, bao gồm: Hệ thống tưới tiết kiệm nước; Hạ tầng năng lượng tái tạo; Hệ thống xử lý chất thải và phụ phẩm; Kho lạnh, logistics phát thải thấp.

(2) Nhu cầu đầu tư công nghệ, như: Công nghệ sản xuất tuần hoàn; Nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu; IoT, AI, blockchain truy xuất nguồn gốc; Hệ thống MRV đo lường carbon.

(3) Nhu cầu tài chính cho chứng nhận và tiêu chuẩn, bao gồm: ESG; Organic; Carbon footprint; Chứng nhận quốc tế phục vụ xuất khẩu.

(4) Nhu cầu quản trị rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh rủi ro khí hậu, dịch bệnh và biến động thị trường ngày càng gia tăng, đòi hỏi phát triển bảo hiểm nông nghiệp, bảo lãnh tín dụng và cơ chế chia sẻ rủi ro tài chính trong chuỗi giá trị.

Như vậy, chuyển đổi xanh trong nông nghiệp không đơn thuần là câu chuyện thiếu vốn, mà là thách thức về thiết kế hệ sinh thái tài chính phù hợp với đặc thù của sản xuất nông nghiệp xanh, tuần hoàn và phát thải thấp.

### **III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ HUY ĐỘNG TÀI CHÍNH CHO NÔNG NGHIỆP XANH, TUẦN HOÀN VÀ GIẢM PHÁT THẢI**

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, chuyển đổi sang nông nghiệp xanh không thể chỉ dựa vào hỗ trợ ngân sách hay tín dụng ưu đãi đơn lẻ, mà đòi hỏi một **hệ sinh thái tài chính xanh tích hợp**, kết hợp giữa chính sách công, thị trường vốn, tín dụng

xanh, bảo hiểm nông nghiệp, thị trường carbon và các thiết chế trung gian như hợp tác xã (HTX), hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị.

Một điểm chung nổi bật là các tổ chức tài chính hiện đại không chỉ đánh giá tài sản bảo đảm mà ngày càng chú trọng năng lực quản trị rủi ro môi trường – xã hội, tính minh bạch dữ liệu, mức độ liên kết chuỗi và khả năng thích ứng dài hạn. Vì vậy, muốn tiếp cận tài chính xanh, doanh nghiệp và HTX phải thay đổi mô hình sản xuất, quản trị và cấu trúc kinh doanh ngay từ đầu, thay vì tiếp cận vốn trước rồi mới chuyển đổi sau.

## **1. Liên minh châu Âu (EU): Huy động tài chính xanh thông qua thị trường carbon và tiêu chuẩn hóa đầu tư xanh**

a) Từ hỗ trợ trực tiếp sang cơ chế thị trường tạo động lực chuyển đổi

EU là khu vực đi đầu trong phát triển tài chính xanh và nông nghiệp carbon thấp với cách tiếp cận “thị trường hóa động lực giảm phát thải”, tức biến phát thải carbon thành chi phí kinh tế và giảm phát thải thành lợi ích tài chính.

Công cụ tiêu biểu là **Hệ thống giao dịch phát thải châu Âu (EU ETS)** – thị trường carbon lớn nhất thế giới, với giá tín chỉ carbon có thời điểm vượt **80–100 EUR/tấn CO<sub>2</sub>**, tạo động lực mạnh cho đổi mới công nghệ và giảm phát thải. Mặc dù nông nghiệp chưa nằm hoàn toàn trong EU ETS, khu vực này vẫn hưởng lợi lớn từ các quỹ chuyển đổi khí hậu, quỹ phát triển nông thôn xanh, trái phiếu xanh (*Green Bonds*) và tài chính thích ứng khí hậu (*climate-smart finance*).

Đáng chú ý, Chính sách Nông nghiệp Chung (CAP) của EU đang chuyển mạnh từ hỗ trợ theo diện tích sang hỗ trợ dựa trên kết quả môi trường. Nông dân và HTX được ưu tiên tiếp cận tài chính nếu áp dụng canh tác giảm phát thải, bảo vệ đa dạng sinh học, giảm hóa chất, phát triển kinh tế tuần hoàn và hấp thụ carbon trong đất.

b) Điều kiện tiếp cận tài chính: quản trị xanh và minh bạch dữ liệu

Một bài học quan trọng từ EU là **không có tài chính xanh nếu không có quản trị xanh**. Các tổ chức tín dụng không chỉ đánh giá hiệu quả kinh tế mà còn xem xét chiến lược giảm phát thải, hệ thống quản trị môi trường, minh bạch dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ số ESG và quản trị rủi ro khí hậu.

Điều này buộc doanh nghiệp và HTX phải chuyển từ sản xuất đơn lẻ sang chuỗi giá trị, chuẩn hóa hệ thống kế toán – quản trị và công khai thông tin bền vững như điều kiện tiếp cận vốn. Nói cách khác, chuyển đổi mô hình kinh doanh phải diễn ra đồng thời với tiếp cận tài chính.

Kinh nghiệm EU cho thấy tài chính xanh cần gắn với hệ thống tiêu chuẩn xanh; HTX phải đóng vai trò tổ chức vùng nguyên liệu và chuẩn hóa dữ liệu phát thải; đồng thời doanh nghiệp phải tái cấu trúc mô hình kinh doanh trước hoặc đồng thời với tiếp cận vốn.

## **Đồ thị 2. Các tiêu chí tiếp cận tài chính xanh trong nông nghiệp của EU**

**Bài học từ quốc tế: Các quốc gia xây dựng tài chính xanh hiệu quả đều tiếp cận tài chính xanh một cách hệ thống, kết hợp giữa chính sách dẫn dắt của Nhà nước và công cụ thị trường**



**2. Nhật Bản: HTX như thiết chế tài chính – sản xuất – thị trường tích hợp**

**a) Mô hình JA – chìa khóa giúp nông dân tiếp cận vốn**

Nhật Bản là quốc gia thành công trong việc sử dụng HTX như một thiết chế trung gian để huy động và phân bổ nguồn lực tài chính cho nông nghiệp. Hệ thống **Japan Agricultural Cooperatives (JA)** không chỉ cung cấp dịch vụ sản xuất mà còn vận hành như ngân hàng nông nghiệp, tổ chức bảo hiểm, nhà cung cấp đầu vào, đơn vị tiêu thụ nông sản và trung tâm chuyển giao công nghệ.

Điểm cốt lõi của mô hình JA là giải quyết “điểm nghẽn niềm tin” giữa ngân hàng và nông dân. Thay vì cho từng hộ vay riêng lẻ với rủi ro cao, JA đứng ra xác nhận phương án sản xuất, tổ chức vùng nguyên liệu, bảo lãnh tín dụng, quản lý dòng tiền và giám sát sử dụng vốn, qua đó giảm mạnh chi phí giao dịch và rủi ro tín dụng.

**b) Hỗ trợ tài chính gắn với nâng cao năng lực quản trị**

Nhật Bản không hỗ trợ vốn đơn thuần mà gắn chặt với năng lực quản trị. HTX và doanh nghiệp muốn tiếp cận chương trình tài chính xanh phải có phương án kinh doanh khả thi, hệ thống kế toán minh bạch, hợp đồng đầu ra ổn định và cam kết chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng giảm thuốc bảo vệ thực vật, hữu cơ, canh tác chính xác hoặc giảm phát thải methane.

Kinh nghiệm này cho thấy tài chính xanh được sử dụng như công cụ thúc đẩy thay đổi quản trị và tổ chức sản xuất, thay vì chỉ hỗ trợ vốn. Không nên hỗ trợ dàn trải; hỗ trợ tài chính phải đi cùng nâng cao năng lực quản trị HTX; đồng thời HTX cần được phát triển thành thiết chế trung gian tài chính chuỗi giá trị.

**3. Hà Lan: Tài chính chuỗi giá trị thay cho tín dụng dựa vào tài sản thế chấp**

Hà Lan phát triển mạnh mô hình **tài chính chuỗi giá trị (value chain finance)**, trong đó ngân hàng không chỉ dựa vào đất đai hay tài sản hữu hình mà đánh giá trên cơ sở hợp đồng đầu ra, dòng tiền tương lai, năng lực tổ chức chuỗi và mức độ số hóa dữ liệu sản xuất.

Nhờ vậy, nhiều hộ quy mô nhỏ vẫn tiếp cận được nguồn vốn lớn nếu tham gia chuỗi giá trị có quản trị tốt. Đặc biệt, doanh nghiệp và HTX phải xây dựng mô hình “thị trường đi trước – tài chính đi cùng – sản xuất đi sau”, nghĩa là phương án kinh doanh, kế hoạch ESG, tính toán *carbon footprint* và quản trị rủi ro phải được chuẩn bị từ đầu. Cần chuyển từ cho vay dựa trên tài sản thế chấp sang tài chính chuỗi giá trị; HTX phải tổ chức được vùng nguyên liệu; doanh nghiệp cần chứng minh tính bền vững của mô hình kinh doanh.

#### **4. ASEAN: Nhà nước đóng vai trò “vốn môi” kích hoạt vốn tư nhân**

Nhiều quốc gia ASEAN đang thử nghiệm thành công mô hình tài chính xanh phù hợp với điều kiện các nước đang phát triển. Singapore xây dựng trung tâm tài chính xanh và hệ thống **Green Taxonomy**; Indonesia phát hành thành công **Green Sukuk** để tài trợ phát triển bền vững; Malaysia hỗ trợ quỹ đầu tư xanh cho doanh nghiệp nhỏ và HTX; trong khi Thái Lan triển khai **Green Finance Roadmap 2030**, tích hợp tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp, quản trị carbon và chứng nhận bền vững. Điểm chung là Nhà nước đóng vai trò “vốn môi”, kích hoạt đầu tư tư nhân thay vì hỗ trợ dàn trải.

#### **5. Hàm ý chính sách cho Việt Nam**

Từ kinh nghiệm quốc tế có thể rút ra năm hàm ý lớn. Thứ nhất, huy động tài chính xanh phải gắn với cải cách mô hình sản xuất và quản trị; doanh nghiệp và HTX cần chuyển sang sản xuất tuần hoàn, quản trị minh bạch, số hóa dữ liệu và chuẩn hóa ESG ngay từ đầu.

Thứ hai, HTX cần được xác định là **thiết chế trung gian hấp thụ tài chính xanh**, không chỉ tổ chức sản xuất mà còn điều phối vùng nguyên liệu, quản trị dữ liệu carbon, bảo lãnh tín dụng và kết nối dòng tiền chuỗi giá trị.

Thứ ba, cần chuyển mạnh từ cho vay thế chấp sang **tài chính chuỗi giá trị**, trong đó hợp đồng đầu ra, dữ liệu sản xuất và dòng tiền tương lai trở thành căn cứ quan trọng của cấp tín dụng.

Thứ tư, hỗ trợ tài chính phải gắn với nâng cao năng lực quản trị, bao gồm kế toán, ESG, chuyển đổi số và xây dựng phương án kinh doanh xanh cho HTX và doanh nghiệp.

Thứ năm, tài chính xanh cần được thiết kế như một **hệ sinh thái tích hợp**, kết nối giữa tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp, thị trường carbon, hỗ trợ lãi suất, tài chính chuỗi giá trị và chuyển đổi số.

### **IV. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG VÀ PHÂN BỐ TÀI CHÍNH CHO NÔNG NGHIỆP XANH Ở VIỆT NAM**

## 1. Hệ thống nguồn lực tài chính cho nông nghiệp xanh đang hình thành nhưng còn phân tán

Cùng với quá trình chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và phát thải thấp, Việt Nam đã từng bước hình thành hệ thống nguồn lực tài chính cho nông nghiệp xanh. Tuy nhiên, đặc điểm nổi bật hiện nay là các nguồn lực còn phân tán, đa tầng và thiếu cơ chế phối hợp, dẫn đến hiệu quả hấp thụ vốn còn hạn chế, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã (HTX), trang trại và hộ sản xuất.

Hiện nay, nguồn tài chính cho nông nghiệp xanh chủ yếu đến từ năm nhóm: ngân sách nhà nước, tín dụng ngân hàng, các quỹ hỗ trợ tài chính, tài chính quốc tế – khí hậu và thị trường carbon. Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn nhất không nằm ở thiếu vốn tuyệt đối mà ở sự thiếu đồng bộ giữa nguồn lực tài chính, công cụ hỗ trợ và năng lực hấp thụ của đối tượng thụ hưởng. Nhiều doanh nghiệp hoặc HTX khó tiếp cận vốn không phải vì thiếu nguồn hỗ trợ mà do chưa đáp ứng yêu cầu về hồ sơ tín dụng, phương án kinh doanh hoặc thiếu thiết chế trung gian giảm thiểu rủi ro.

**Bảng 3. Hệ thống nguồn lực tài chính cho nông nghiệp xanh ở Việt Nam**

Nguồn lực	Công cụ chính	Đối tượng hưởng lợi	Hạn chế chủ yếu
NSNN	Hỗ trợ đầu tư, lãi suất	HTX, DN	Quy mô hạn chế
Ngân hàng	Tín dụng	DN, HTX, hộ	Khó thế chấp
Quỹ	Bảo lãnh, ưu đãi	HTX, DNNVV	Quy mô nhỏ
Quốc tế	ODA, GCF	Dự án lớn	Khó tiếp cận
Carbon	Tín chỉ carbon	Chuỗi ngành hàng	Chưa hoàn thiện

## 2. Ngân sách nhà nước vẫn là “vốn môi” nhưng chưa đủ sức dẫn dắt chuyển đổi xanh

Trong bối cảnh khu vực tư nhân còn hạn chế về đầu tư xanh, ngân sách nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng trong định hướng và kích hoạt quá trình chuyển đổi. Nguồn lực công hiện được triển khai thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ phát triển HTX, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số và đặc biệt là Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Một số chương trình bước đầu đã tích hợp mục tiêu giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên và kinh tế tuần hoàn. Chẳng hạn, Đề án 1 triệu héc-ta lúa vừa hướng tới giảm methane, tiết kiệm nước, tăng thu nhập nông dân, vừa tạo nền tảng tham gia thị trường tín chỉ carbon trong tương lai.

Tuy nhiên, nguồn lực ngân sách vẫn còn ba hạn chế lớn. Thứ nhất, quy mô đầu tư còn nhỏ so với nhu cầu chuyển đổi nông nghiệp phát thải thấp, vốn lên tới hàng chục tỷ USD đến năm 2030. Thứ hai, nguồn vốn còn phân tán giữa nhiều chương

trình, bộ ngành và địa phương, thiếu cơ chế tích hợp theo chuỗi ngành hàng hoặc vùng sản xuất. Thứ ba, cơ chế “vốn môi” để kích hoạt đầu tư tư nhân còn yếu, chủ yếu vẫn thiên về hỗ trợ trực tiếp thay vì đồng tài trợ, bảo lãnh rủi ro hay chia sẻ chi phí chuyển đổi.

Điều này đặt ra yêu cầu chuyển ngân sách nhà nước từ vai trò “cấp vốn trực tiếp” sang “kích hoạt thị trường tài chính xanh” thông qua hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh tín dụng và chia sẻ rủi ro.

### 3. Tín dụng ngân hàng là nguồn vốn chủ lực nhưng tín dụng “thực sự xanh” còn hạn chế

Tín dụng ngân hàng hiện vẫn là nguồn vốn lớn nhất của nông nghiệp Việt Nam. Theo Ngân hàng Nhà nước, dư nợ tín dụng phục vụ nông nghiệp – nông thôn duy trì khoảng **24–25% tổng dư nợ nền kinh tế**, với sự tham gia của nhiều tổ chức như Agribank, BIDV, VietinBank, Ngân hàng Chính sách xã hội, quỹ tín dụng nhân dân và ngân hàng hợp tác xã.

Tuy nhiên, tín dụng nông nghiệp hiện nay vẫn chủ yếu phục vụ vốn lưu động, vật tư đầu vào và sản xuất truyền thống, trong khi tín dụng dành riêng cho chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn hoặc công nghệ môi trường còn khá hạn chế. Khảo sát chuỗi thanh long Bình Thuận và tôm Bạc Liêu cho thấy dù nhiều ngân hàng đánh giá tích cực sản xuất xanh, doanh nghiệp và HTX vẫn nhận định mức độ ưu tiên tín dụng xanh trên thực tế chưa cao.

Điều này phản ánh thực tế rằng **tín dụng nông nghiệp chưa đồng nghĩa với tín dụng xanh**. Hiện các khoản vay xanh mới tập trung vào nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo và một số dự án xử lý chất thải, trong khi các hoạt động như giảm methane trong sản xuất lúa, chuyển đổi hữu cơ, quản lý carbon hoặc kinh tế tuần hoàn chưa được thiết kế thành sản phẩm tín dụng chuyên biệt.

Những hạn chế này xuất phát từ việc thiếu **taxonomy xanh cho nông nghiệp**, rủi ro sản xuất cao, chi phí thẩm định lớn đối với mô hình nhỏ lẻ và thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro như bảo hiểm nông nghiệp hay quỹ bảo lãnh tín dụng.

#### Bảng 4. Cơ cấu tín dụng nông nghiệp Việt Nam: tín dụng thông thường và tín dụng xanh (ước tính, năm 2024)

Loại tín dụng trong nông nghiệp	Quy mô ước tính	Tỷ trọng
Tín dụng nông nghiệp thông thường	3,4–3,6 triệu tỷ đồng	90–92%
Tín dụng có yếu tố xanh*	0,3–0,4 triệu tỷ đồng	8–10%

***Chú thích:** Bao gồm tín dụng cho nông nghiệp công nghệ cao, xử lý chất thải, năng lượng tái tạo trong nông nghiệp, mô hình giảm phát thải và các khoản vay có yếu tố môi trường; chưa bao gồm đầy đủ tín dụng carbon do Việt Nam chưa có hệ thống taxonomy xanh nông nghiệp thống nhất. Ước tính trên cơ sở tổng dư nợ tín dụng xanh của hệ thống ngân hàng và tỷ trọng lĩnh vực nông nghiệp trong tín dụng xanh.*

### 4. Các quỹ tài chính hỗ trợ còn quy mô nhỏ và thiếu liên kết

Bên cạnh tín dụng ngân hàng, Việt Nam đã hình thành nhiều quỹ hỗ trợ như Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ hỗ trợ nông dân và Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV. Trong đó, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX có vai trò quan trọng đối với khu vực kinh tế tập thể.

Tuy nhiên, quy mô các quỹ nhìn chung còn nhỏ, khả năng cho vay dài hạn hạn chế và chưa có cơ chế ưu tiên rõ cho dự án xanh hoặc giảm phát thải. Dù một số chính sách hỗ trợ lãi suất đã được triển khai, như cơ chế theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, nhưng các quỹ hiện vẫn hoạt động tương đối độc lập, chưa hình thành hệ sinh thái tài chính tích hợp giữa tín dụng, bảo lãnh, hỗ trợ lãi suất, bảo hiểm và tài chính carbon. Điều này khiến doanh nghiệp và HTX khó tiếp cận đồng thời các công cụ cần thiết cho chuyển đổi xanh.

### **5. Tài chính quốc tế và tài chính khí hậu: tiềm năng lớn nhưng hấp thụ còn thấp**

Trong bối cảnh ngân sách hạn chế, tài chính khí hậu quốc tế là nguồn lực quan trọng cho chuyển đổi xanh của nông nghiệp Việt Nam. Việt Nam hiện có cơ hội tiếp cận nhiều nguồn vốn từ **Quỹ Khí hậu xanh (GCF), WB, IFC, ADB, JICA, các quỹ ESG và blended finance**.

Tuy nhiên, khả năng hấp thụ vốn còn hạn chế do thiếu dự án đạt chuẩn quốc tế, hệ thống **MRV (đo lường – báo cáo – thẩm định phát thải)** còn yếu, thiếu tổ chức trung gian đủ năng lực và thiếu nguồn vốn đối ứng trong nước. Điều này cho thấy vấn đề không chỉ là tìm kiếm nguồn vốn mà quan trọng hơn là nâng cao năng lực hấp thụ tài chính xanh của khu vực nông nghiệp.

### **6. Thị trường carbon nông nghiệp: nguồn lực tiềm năng nhưng mới ở giai đoạn đầu**

Một nguồn lực tài chính mới nổi được kỳ vọng tạo đột phá cho nông nghiệp xanh là thị trường tín chỉ carbon. Việt Nam đã ban hành lộ trình phát triển thị trường carbon, dự kiến thí điểm từ năm **2025** và hoàn thiện trong các năm tiếp theo.

Các lĩnh vực có tiềm năng lớn gồm giảm methane trong sản xuất lúa, hấp thụ carbon trong đất, xử lý chất thải chăn nuôi, năng lượng sinh khối từ phụ phẩm và nông lâm kết hợp. Tuy nhiên, thị trường carbon nông nghiệp vẫn đối mặt với nhiều rào cản như thiếu hệ thống MRV, dữ liệu phát thải, tổ chức trung gian và chi phí xác minh cao, khiến HTX và doanh nghiệp nhỏ khó tham gia độc lập.

Về dài hạn, nếu được thiết kế phù hợp, thị trường carbon có thể tạo thêm nguồn thu mới cho HTX và nông dân, góp phần chuyển từ mô hình “sản xuất nông sản” sang “nông sản + dịch vụ môi trường + tín chỉ carbon”.

## **V. NHU CẦU TÀI CHÍNH XANH VÀ NHỮNG ĐIỂM NGHẼN TRONG TIẾP CẬN VỐN XANH**

### **1. Nhu cầu tài chính cho chuyển đổi sang nông nghiệp xanh, tuần hoàn và giảm phát thải ngày càng lớn và đa tầng**

a) Chuyển đổi xanh không chỉ cần nhiều vốn hơn mà còn đòi hỏi cấu trúc tài chính mới.

Khác với sản xuất truyền thống vốn chủ yếu phục vụ vật tư đầu vào hoặc mở rộng quy mô, chuyển đổi sang nông nghiệp xanh, tuần hoàn và phát thải thấp đặt ra yêu cầu hoàn toàn khác về quy mô, kỳ hạn và cấu trúc vốn. Đầu tư xanh thường có chi phí ban đầu lớn, thời gian hoàn vốn dài, hiệu quả tài chính xuất hiện chậm trong khi lợi ích môi trường – xã hội khó lượng hóa ngay thành dòng tiền.

Điều này tạo khoảng cách đáng kể giữa nhu cầu thực tế của khu vực sản xuất với logic tín dụng truyền thống. Chẳng hạn, chuyển đổi sang sản xuất lúa giảm phát thải đòi hỏi đầu tư đồng bộ từ hệ thống thủy lợi nội đồng, tưới ngập khô xen kẽ (AWD), giống chất lượng cao, quản lý phân bón đến số hóa dữ liệu phát thải, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận carbon. Tương tự, chăn nuôi tuần hoàn cần nguồn vốn lớn cho hệ thống biogas, xử lý chất thải, năng lượng tái tạo và công nghệ tái sử dụng phụ phẩm, trong khi sản xuất hữu cơ thường phải trải qua giai đoạn chuyển đổi 2–3 năm với chi phí cao nhưng hiệu quả kinh tế chưa thể hiện ngay.

Như vậy, thách thức hiện nay không chỉ là thiếu vốn mà còn là thiếu loại vốn phù hợp với đặc điểm của chuyển đổi xanh.

**Biểu đồ 5. Cấu trúc nhu cầu tài chính cho nông nghiệp xanh<sup>1</sup>**

TT	Các nội dung tài chính/tín dụng	Tỷ lệ%
1	<input type="checkbox"/> Hạ tầng xanh	→ lớn nhất (35–40%)
2	<input type="checkbox"/> Công nghệ	→ (20%)
3	<input type="checkbox"/> Chuyển đổi số	→ (15%)
4	<input type="checkbox"/> Quản trị rủi ro	→ (10%)
5	<input type="checkbox"/> Chứng nhận	→ (8–10%)
6	<input type="checkbox"/> Carbon/MRV	→ (khoảng 5%)

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ FAO (2023), World Bank (2023), ADB (2022), Climate Policy Initiative (2023) và phân tích thực tiễn chuyển đổi nông nghiệp xanh tại Việt Nam.*

b) Nhu cầu đầu tư hạ tầng xanh, công nghệ và quản trị phát thải ngày càng lớn

Một trong những áp lực tài chính lớn nhất hiện nay là đầu tư lại hạ tầng sản xuất phục vụ giảm phát thải. Đối với nhiều ngành hàng, thay đổi kỹ thuật canh tác đơn thuần không còn đủ mà cần đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm, điều tiết nước nội

<sup>1</sup> Mức độ nhu cầu đầu tư được tổng hợp từ phân tích tài liệu và chuyên gia, không phản ánh tỷ trọng tài chính tuyệt đối

đồng, logistics phát thải thấp, xử lý phụ phẩm, năng lượng sinh khối và hạ tầng kinh tế tuần hoàn.

Song song với đó là nhu cầu đầu tư mạnh cho công nghệ và chuyển đổi số nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường về truy xuất nguồn gốc, giám sát phát thải, quản trị chuỗi cung ứng và dữ liệu ESG. Các khoản đầu tư như IoT giám sát sản xuất, blockchain truy xuất nguồn gốc, AI dự báo rủi ro, hệ thống kế toán số hay nền tảng quản trị HTX đang dần trở thành điều kiện tiếp cận thị trường và tài chính xanh.

Đặc biệt, hệ thống MRV (Measurement – Reporting – Verification) ngày càng quan trọng do là điều kiện bắt buộc để tham gia thị trường carbon, chứng minh giảm phát thải và tiếp cận climate finance. Tuy nhiên, hiện rất ít HTX và doanh nghiệp nông nghiệp có đủ năng lực đầu tư các hệ thống này.

Ngoài ra, nhu cầu tài chính cho quản trị rủi ro cũng gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán, dịch bệnh và biến động giá ngày càng phức tạp. Điều này đòi hỏi phát triển đồng bộ bảo hiểm nông nghiệp, quỹ bảo lãnh tín dụng và cơ chế chia sẻ tổn thất như một cấu phần không thể thiếu của tài chính xanh.

## **2. Những điểm nghẽn lớn trong tiếp cận tài chính xanh của doanh nghiệp, HTX và người sản xuất**

Mặc dù nhu cầu đầu tư rất lớn và nguồn lực tài chính ngày càng đa dạng, khả năng tiếp cận vốn xanh của doanh nghiệp, HTX và hộ sản xuất vẫn còn hạn chế. Khảo sát tại chuỗi thanh long Bình Thuận và tôm Bạc Liêu cho thấy phần lớn doanh nghiệp nhỏ, HTX và hộ sản xuất gặp khó khăn trong tiếp cận tín dụng dài hạn phục vụ chuyển đổi xanh.

### **a) Điểm nghẽn về mô hình sản xuất và tổ chức thị trường**

Đây là rào cản mang tính nền tảng. Phần lớn sản xuất nông nghiệp Việt Nam vẫn nhỏ lẻ, phân tán, thiếu liên kết và tiêu chuẩn hóa; nhiều HTX mới dừng ở cung ứng dịch vụ đầu vào, chưa tổ chức được chuỗi giá trị hoặc vùng nguyên liệu tập trung.

Trong khi đó, tổ chức tài chính xanh ngày càng ưu tiên mô hình có khả năng kiểm soát phát thải, truy xuất nguồn gốc và quản trị chuỗi. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp và HTX khó chứng minh tính khả thi của phương án kinh doanh xanh. Thực tế cho thấy nhiều chủ thể muốn vay vốn chuyển đổi nhưng mô hình sản xuất lại chưa được thiết kế theo logic xanh ngay từ đầu.

### **b) Điểm nghẽn về năng lực quản trị của doanh nghiệp và HTX**

Nút thắt lớn nhất hiện nay là năng lực hấp thụ tài chính xanh còn yếu. Nhiều HTX và doanh nghiệp nhỏ chưa có hệ thống kế toán minh bạch, thiếu phương án kinh doanh dài hạn, dữ liệu phát thải, hệ thống truy xuất và cơ chế quản trị rủi ro. Điều này khiến tổ chức tín dụng đánh giá mức độ rủi ro cao và không sẵn sàng cho vay dài hạn.

**Bảng 6. Khoảng cách giữa yêu cầu của tổ chức tài chính xanh và năng lực thực tế của HTX**

TT	Yêu cầu tổ chức tài chính	Thực trạng HTX
1	Báo cáo tài chính	Thiếu chuẩn hóa
2	Dữ liệu ESG	Hầu như chưa có
3	Quản trị carbon	Rất hạn chế
4	Chuỗi liên kết	Yếu
5	Dòng tiền minh bạch	Chưa ổn định

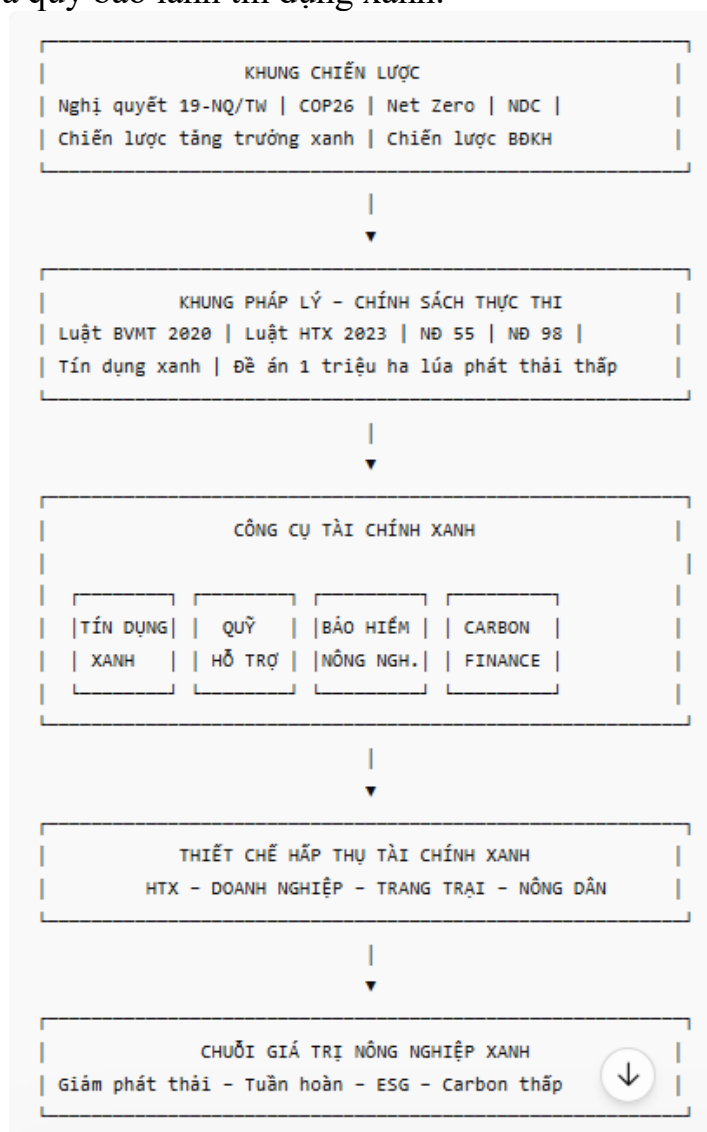
c) Điểm nghẽn thể chế, tài sản bảo đảm và năng lực hấp thụ vốn quốc tế

Mặc dù khung chính sách bước đầu được hình thành, nhưng các chính sách về tín dụng, HTX, thị trường carbon, bảo hiểm và đầu tư công còn phân tán, thiếu liên thông. Việt Nam hiện vẫn thiếu taxonomy xanh nông nghiệp, bộ tiêu chí đánh giá dự án xanh, cơ chế blended finance và quỹ bảo lãnh tín dụng xanh.

Bên cạnh đó, điều kiện thế chấp vẫn là rào cản lớn khi nhiều HTX không có tài sản sở hữu, đất đai thuộc xã viên và thiếu tài sản cố định, trong khi ngân hàng vẫn chủ yếu cho vay dựa trên tài sản bảo đảm hơn là dòng tiền tương lai.

Ngoài ra, dù nhiều nguồn tài chính quốc tế và carbon finance đã sẵn có, khả năng giải ngân còn hạn chế do thiếu dự án đạt chuẩn, hồ sơ ESG, hệ thống MRV và các tổ chức trung gian đủ năng lực hấp thụ vốn quy mô lớn.

Nhìn chung, khó khăn của tài chính xanh trong nông nghiệp Việt Nam không chỉ là thiếu tiền mà chủ yếu là thiếu năng lực hấp thụ tiền, phản ánh khoảng cách lớn giữa yêu cầu của hệ thống tài chính xanh hiện đại với thực trạng tổ chức sản xuất, quản trị và liên kết chuỗi hiện nay.



## V. KHUNG PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH – TÍN DỤNG XANH CỦA VIỆT NAM

### 1. Khung chính sách tài chính xanh trong nông nghiệp đang từng bước được hình thành<sup>2</sup>

Trong khoảng một thập niên trở lại đây, cùng với yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, Việt Nam đã từng bước hình thành nền tảng pháp lý cho tài chính xanh, tín dụng xanh và chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng carbon thấp. Nếu trước đây chính sách nông nghiệp chủ yếu tập trung vào mở rộng sản xuất và hỗ trợ đầu vào, thì hiện nay định hướng đã chuyển dần sang phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và tăng trưởng bền vững.

#### Sơ đồ 3. Hệ thống chính sách tài chính xanh cho nông nghiệp Việt Nam

Tuy vậy, hệ thống chính sách hiện nay vẫn còn phân tán, thiếu liên kết và chưa hình thành một hệ sinh thái tài chính xanh hoàn chỉnh cho nông nghiệp. Có thể khái quát khung chính sách theo sáu nhóm chính: (i) chính sách nền tảng về tăng trưởng xanh và môi trường; (ii) tín dụng nông nghiệp và tín dụng xanh; (iii) hỗ trợ HTX và doanh nghiệp nông nghiệp; (iv) hỗ trợ lãi suất, quỹ tài chính và bảo lãnh tín dụng; (v) bảo hiểm nông nghiệp và quản trị rủi ro; (vi) thị trường carbon và tài chính khí hậu.

### 2. Chính sách nền tảng: từ tăng trưởng xanh đến tín dụng xanh

#### a) Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 – nền tảng pháp lý cho tín dụng xanh

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đánh dấu bước tiến quan trọng khi lần đầu tiên đặt nền tảng pháp lý tương đối rõ cho **tín dụng xanh**, đặc biệt tại Điều 149 với định hướng khuyến khích tổ chức tín dụng cấp vốn cho các dự án sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý ô nhiễm, quản lý chất thải, phục hồi hệ

---

<sup>2</sup> 14 thể chế tài cung cấp tài chính xanh hiện nay, bao gồm:

1. Tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015)
2. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định 98/2018/NĐ-CP);
3. Quỹ phát triển DNVVN (Quyết định 07/QĐ-HĐTV ngày 24/10/2019)
4. Vay doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh (Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022)
5. Tồn thất trong nông nghiệp (Quyết định 68/2013/QĐ-TTg và Quyết định 529/QĐ-NHNN),
6. Phát triển điện sử dụng CTR, NLMT tại Việt Nam (Quyết định 31/2014/QĐ-TTg)
7. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch (Theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017)
8. Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021);
9. Hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm (Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015);
10. Quỹ Liên minh HTX tính theo Nghị định 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021
11. Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022);
12. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020);
13. Cho vay lĩnh vực xanh (Thông tư 10/NHNN, 2023)
14. Liên kết cho vay từ ngân hàng HTX (Thông tư 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016)

sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học. Đây là cơ sở quan trọng cho phát triển tín dụng giảm phát thải, nông nghiệp tuần hoàn, công nghệ xử lý phụ phẩm, nông nghiệp hữu cơ và canh tác thích ứng khí hậu.

Tuy nhiên, khoảng cách giữa quy định và thực thi vẫn còn lớn do Việt Nam chưa có hệ thống tiêu chí cụ thể xác định dự án xanh trong nông nghiệp, khiến việc phân loại và ưu tiên tín dụng còn gặp khó khăn.

b) Chiến lược tăng trưởng xanh và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu

Nhiều chiến lược lớn như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050, Kế hoạch triển khai COP26 và NDC cập nhật đã xác lập rõ yêu cầu huy động mạnh mẽ nguồn lực tài chính xã hội, nhất là khu vực tư nhân và tài chính quốc tế cho chuyển đổi xanh. Tuy nhiên, phần lớn chính sách hiện vẫn thiên về định hướng, trong khi cơ chế vận hành cụ thể đối với khu vực nông nghiệp còn thiếu.

**3. Chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp và tín dụng xanh**

a) Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP: nền tảng tín dụng nông nghiệp

Chính sách tín dụng nông nghiệp hiện nay chủ yếu dựa trên Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, tạo cơ chế ưu tiên cho doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân và trang trại tiếp cận vốn. Các quy định về cho vay không có tài sản bảo đảm trong hạn mức nhất định, tín dụng nông nghiệp công nghệ cao, tín dụng theo chuỗi liên kết và cho vay HTX đã tạo nền tảng quan trọng cho phát triển nông nghiệp xanh.

Tuy nhiên, chính sách hiện mới hỗ trợ “nông nghiệp nói chung”, chưa hình thành sản phẩm tín dụng chuyên biệt cho nông nghiệp tuần hoàn, giảm methane, tín chỉ carbon hoặc dự án ESG trong nông nghiệp.

b) Chính sách tín dụng xanh của Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước đã từng bước thúc đẩy tín dụng xanh thông qua yêu cầu lồng ghép yếu tố môi trường trong thẩm định tín dụng, kiểm soát rủi ro môi trường – xã hội và phát triển sản phẩm tài chính xanh. Đặc biệt, Thông tư số 10/2023/TT-NHNN bước đầu tạo định hướng cho cấp tín dụng xanh và đánh giá rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay.

Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất hiện nay là Việt Nam chưa có **taxonomy xanh nông nghiệp**, dẫn tới lúng túng trong xác định, thẩm định và áp dụng ưu đãi đối với dự án xanh.

**Bảng 7. So sánh chính sách tín dụng nông nghiệp và tín dụng xanh hiện hành**

Nội dung	Tín dụng nông nghiệp thông thường	Tín dụng nông nghiệp xanh
Mục tiêu	Sản xuất nông nghiệp	Giảm phát thải

Đánh giá	Hiệu quả kinh tế	ESG + môi trường
Kỳ hạn	Ngắn/trung hạn	Trung/dài hạn
Điều kiện	Thế chấp	Phát thải thấp,

#### **4. Chính sách hỗ trợ hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp xanh**

a) Luật Hợp tác xã năm 2023: mở rộng không gian tiếp cận vốn cho HTX

Luật Hợp tác xã năm 2023 mở rộng đáng kể khả năng huy động nguồn lực cho khu vực kinh tế tập thể thông qua tăng cường liên kết thị trường, hỗ trợ chuyển đổi số, tiếp cận quỹ hỗ trợ phát triển HTX và liên doanh liên kết. Đây là nền tảng quan trọng để HTX tham gia chuỗi giá trị carbon thấp, mô hình tuần hoàn và hệ sinh thái tài chính xanh. Tuy nhiên, hiệu quả thực thi còn phụ thuộc lớn vào năng lực quản trị của HTX.

b) Chính sách liên kết chuỗi – nền tảng quan trọng cho tín dụng xanh

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản có ý nghĩa đặc biệt đối với tài chính xanh do các tổ chức tín dụng ngày càng ưu tiên mô hình có hợp đồng đầu ra và dòng tiền ổn định. Liên kết chuỗi giúp doanh nghiệp và HTX giảm rủi ro tín dụng, chuẩn hóa quy trình xanh và tăng khả năng truy xuất nguồn gốc, dù thực tế liên kết sản xuất trong nông nghiệp Việt Nam vẫn còn thiếu bền vững.

#### **5. Chính sách hỗ trợ lãi suất, quỹ hỗ trợ và cơ chế tài chính ưu đãi**

a) Chính sách hỗ trợ lãi suất

Nghị định số 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh tuy chưa tập trung riêng cho nông nghiệp xanh nhưng đã tạo tiền đề cho thiết kế các gói tín dụng giảm phát thải, tín dụng tuần hoàn và nông nghiệp carbon thấp trong thời gian tới. Đồng thời, nhiều đề xuất đang hướng tới hỗ trợ lãi suất cho dự án ESG và kinh tế tuần hoàn.

b) Các quỹ hỗ trợ

Một số quỹ như Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa hay Quỹ hỗ trợ nông dân có thể đóng vai trò bổ trợ tài chính xanh. Tuy nhiên, hạn chế chung là quy mô nhỏ, phân tán, thiếu liên kết và chưa có tiêu chí ưu tiên rõ đối với dự án giảm phát thải.

#### **6. Chính sách bảo hiểm nông nghiệp và quản trị rủi ro**

Nghị định số 58/2018/NĐ-CP đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý cho bảo hiểm nông nghiệp, song phạm vi triển khai còn hẹp, số lượng doanh nghiệp bảo hiểm ít và tỷ lệ tham gia thấp. Trong khi đó, kinh nghiệm quốc tế cho thấy tín dụng xanh chỉ phát triển bền vững khi đi kèm bảo hiểm nông nghiệp và cơ chế chia sẻ rủi ro, đây vẫn là khoảng trống lớn của Việt Nam hiện nay.

#### **7. Chính sách phát triển thị trường carbon và tài chính khí hậu**

Lộ trình phát triển thị trường carbon trong nước, dự kiến thí điểm từ năm **2025**, mở ra cơ hội mới cho nông nghiệp trong huy động **climate finance**, thương mại hóa dịch vụ hệ sinh thái và tạo nguồn thu từ giảm phát thải, đặc biệt với các mô hình lúa methane thấp và kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, để vận hành hiệu quả cần hoàn thiện hệ thống **MRV**, dữ liệu phát thải, tổ chức trung gian và quy trình xác minh tín chỉ carbon.

Nhìn chung, Việt Nam đã bước đầu hình thành nền tảng pháp lý cho tài chính xanh trong nông nghiệp, song hệ thống chính sách vẫn mang tính phân mảnh và thiếu cơ chế tích hợp giữa tín dụng, bảo hiểm, carbon, HTX, liên kết chuỗi và hỗ trợ lãi suất. Điểm nghẽn lớn nhất hiện nay không nằm ở định hướng chính sách mà ở khả năng kết nối các công cụ này thành một hệ sinh thái tài chính xanh đủ mạnh cho chuyển đổi nông nghiệp bền vững.

## **VI. GIẢI PHÁP GIÚP HỢP TÁC XÃ, DOANH NGHIỆP, TRANG TRẠI TIẾP CẬN TÀI CHÍNH XANH CHO NÔNG NGHIỆP TUẦN HOÀN, GIẢM PHÁT THẢI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Từ thực trạng huy động nguồn lực tài chính, những điểm nghẽn trong tiếp cận vốn xanh và kinh nghiệm quốc tế cho thấy, thúc đẩy nông nghiệp xanh không chỉ là mở rộng quy mô vốn mà quan trọng hơn là xây dựng hệ sinh thái hấp thụ tài chính xanh, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) và trang trại vừa là đối tượng thụ hưởng, vừa là chủ thể tổ chức chuyển đổi. Các giải pháp cần triển khai đồng bộ theo hướng hoàn thiện thể chế, đổi mới công cụ tài chính, nâng cao năng lực hấp thụ vốn và phát triển thị trường carbon.

### **1. Hoàn thiện thể chế tài chính xanh cho nông nghiệp theo hướng đồng bộ và khả thi**

a) Xây dựng “taxonomy xanh nông nghiệp” làm nền tảng cho phân bổ tài chính

Một rào cản lớn hiện nay là Việt Nam chưa có hệ thống phân loại xanh (green taxonomy) riêng cho nông nghiệp, khiến ngân hàng khó xác định dự án xanh, quỹ đầu tư khó thẩm định, còn doanh nghiệp và HTX thiếu cơ sở tiếp cận ưu đãi. Vì vậy, cần sớm ban hành Bộ tiêu chí phân loại xanh cho nông nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp tuần hoàn, giảm methane, chăn nuôi phát thải thấp, hữu cơ – sinh thái, năng lượng tái tạo, tái chế phụ phẩm, carbon farming và hệ thống MRV.

Các tiêu chí đánh giá cần gắn với mức giảm phát thải, hiệu quả sử dụng tài nguyên, tỷ lệ tái sử dụng phụ phẩm, chỉ số ESG và hiệu quả sinh kế, làm cơ sở thiết kế tín dụng ưu đãi, bảo hiểm, hỗ trợ lãi suất và huy động climate finance.

b) Chuyển từ hỗ trợ dàn trải sang hỗ trợ theo kết quả chuyển đổi xanh

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy hỗ trợ tài chính chỉ hiệu quả khi gắn với kết quả môi trường. Theo đó, cần chuyển từ hỗ trợ đầu vào sang hỗ trợ dựa trên kết quả như lượng methane giảm được, diện tích canh tác carbon thấp, tỷ lệ tái chế phụ phẩm

hoặc tín chỉ carbon hình thành, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và giảm tình trạng hỗ trợ dàn trải.

## 2. Thiết kế các công cụ tài chính xanh chuyên biệt cho nông nghiệp

### a) Hình thành các gói tín dụng xanh chuyên ngành

Nông nghiệp xanh đòi hỏi các sản phẩm tài chính khác với tín dụng truyền thống. Cần nghiên cứu xây dựng các gói tín dụng chuyên biệt cho nông nghiệp tuần hoàn (xử lý phụ phẩm, điện sinh khối, phân hữu cơ), tín dụng giảm phát thải methane trong sản xuất lúa và chăn nuôi, tín dụng chuyển đổi hữu cơ với cơ chế ân hạn và chia sẻ rủi ro trong giai đoạn 2–3 năm, cũng như tín dụng carbon dựa trên dòng tiền tín chỉ carbon tương lai.

**Bảng 8. Hệ thống tín dụng xanh đề xuất cho nông nghiệp**

Công cụ	Đối tượng	Mục tiêu
Tín dụng tuần hoàn	HTX/DN	Giảm chất thải
Tín dụng methane thấp	Vùng lúa	Giảm phát thải
Tín dụng hữu cơ	Trang trại	Chuyển đổi
Carbon finance	Chuỗi giá trị	Tạo nguồn thu

### b) Đặt HTX ở vị trí trung tâm của hệ sinh thái tài chính xanh

Kinh nghiệm EU, Nhật Bản và Hà Lan cho thấy nông dân nhỏ lẻ khó tiếp cận tài chính xanh nếu thiếu tổ chức trung gian. Do đó, HTX cần được tái định vị như một thiết chế hấp thụ tài chính xanh, không chỉ cung ứng dịch vụ đầu vào mà còn tổ chức vùng nguyên liệu, chuẩn hóa quy trình sản xuất, quản trị dữ liệu phát thải, vận hành MRV, kết nối tín dụng và thị trường đầu ra.

### c) Nâng cao năng lực quản trị HTX như điều kiện hấp thụ vốn

Một điểm nghẽn lớn hiện nay là nhiều HTX chưa đủ năng lực hấp thụ tài chính xanh. Vì vậy, cần triển khai chương trình quốc gia nâng cao năng lực quản trị HTX, tập trung vào kế toán số, quản trị tài chính, ESG, quản trị carbon, xây dựng phương án kinh doanh và kỹ năng huy động vốn. Nguyên tắc xuyên suốt là hỗ trợ tài chính phải đi cùng nâng cao năng lực quản trị.

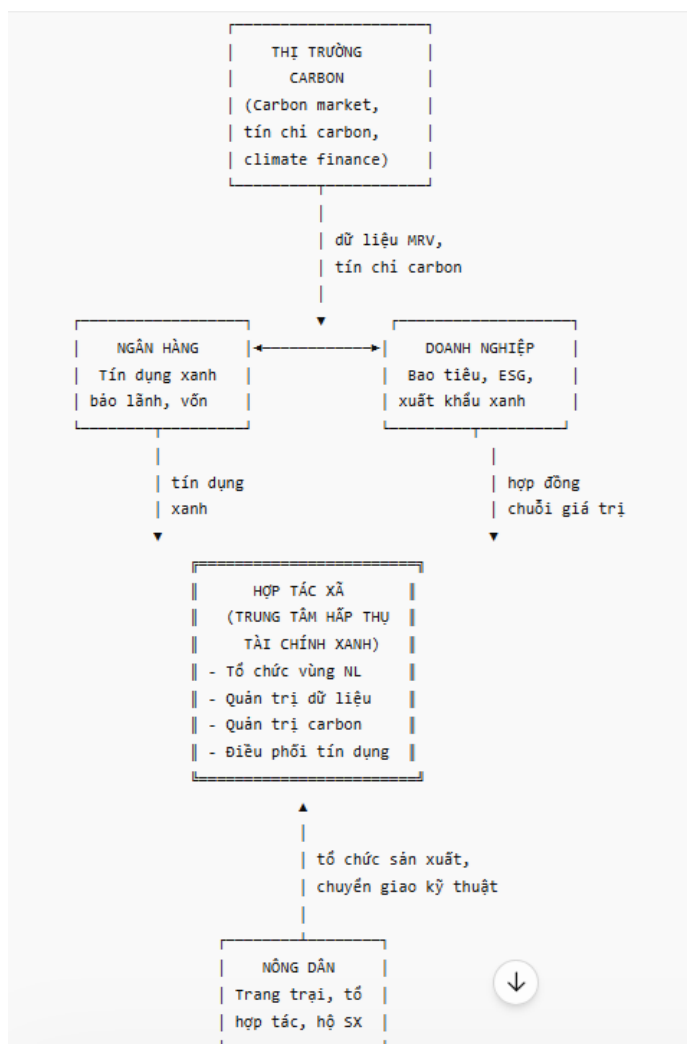
## 3. Thay đổi mô hình sản xuất và kinh doanh để đủ điều kiện tiếp cận vốn xanh

Một bài học lớn từ các quốc gia thành công là không thể tiếp cận tài chính xanh bằng mô hình sản xuất cũ. Doanh nghiệp, HTX và trang trại cần chuyển từ “sản xuất cái mình có” sang “sản xuất theo yêu cầu thị trường xanh”, đáp ứng các tiêu chuẩn ESG, truy xuất nguồn gốc, phát thải thấp và chứng nhận carbon.

#### Sơ đồ 4. HTX trung tâm trong hệ sinh thái tài chính xanh

**Ghi chú:** Hệ thống chính sách tài chính xanh cho nông nghiệp Việt Nam vận hành theo logic đa tầng, trong đó khung chiến lược và pháp lý tạo nền tảng; tín dụng, quỹ, bảo hiểm và carbon là công cụ tài chính; còn HTX, doanh nghiệp và người sản xuất là chủ thể hấp thụ nguồn lực để phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp xanh, tuần hoàn và phát thải thấp

Đồng thời, cần chuyển từ mô hình đơn ngành sang kinh tế tuần hoàn, như lúa – rơm – phân hữu cơ – năng lượng hoặc chăn nuôi – biogas – điện – phân hữu cơ; song song với chuẩn hóa dữ liệu tài chính, dữ liệu phát thải, hợp đồng đầu ra và kế hoạch giảm carbon. Trong tương lai, dữ liệu và năng lực quản trị sẽ trở thành tài sản quan trọng không kém đất đai đối với doanh nghiệp nông nghiệp.



#### 4. Chuyển mạnh từ cho vay thế chấp sang tài chính chuỗi giá trị xanh

Một cải cách quan trọng là chuyển từ mô hình cho vay dựa trên tài sản thế chấp sang tài chính chuỗi giá trị, trong đó hợp đồng đầu ra, dòng tiền tương lai, truy xuất nguồn gốc và bảo hiểm trở thành căn cứ cấp tín dụng. Theo đó, doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi, HTX tổ chức vùng nguyên liệu và hợp đồng bao tiêu sẽ giúp giảm rủi ro tín dụng và nâng cao khả năng tiếp cận vốn của nông dân và HTX. Có thể ưu tiên thí điểm với Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, vùng nguyên liệu giảm phát thải hoặc chuỗi chăn nuôi tuần hoàn.

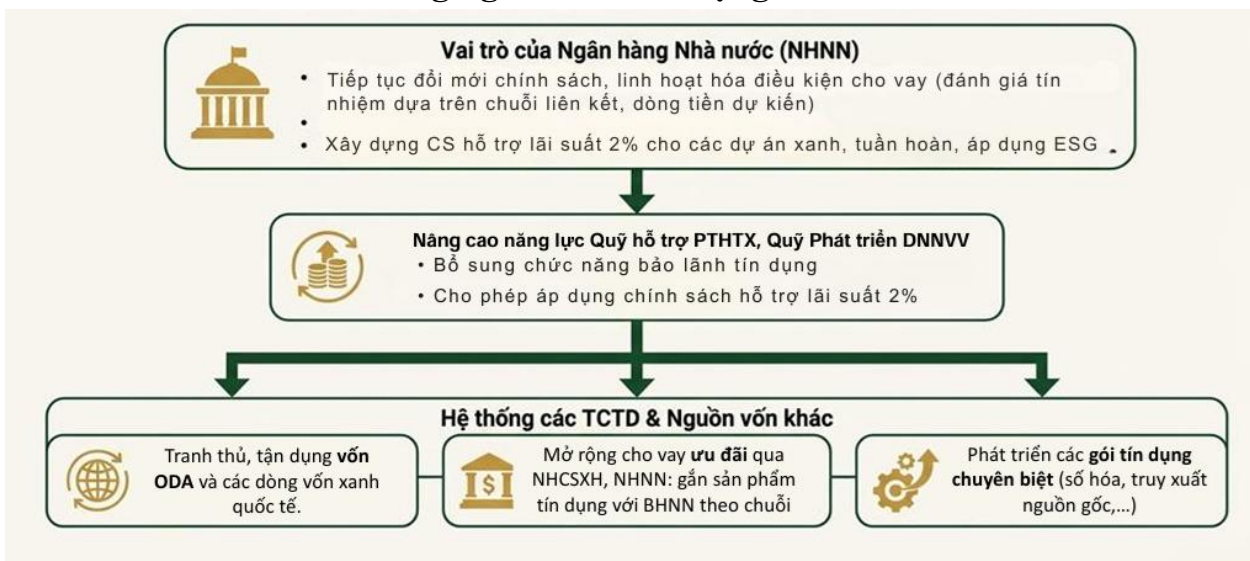
#### 5. Phát triển cơ chế chia sẻ rủi ro và thị trường carbon nông nghiệp

Để tài chính xanh phát triển bền vững cần giảm rủi ro cho tổ chức tín dụng thông qua quỹ bảo lãnh tín dụng xanh, bảo hiểm nông nghiệp tích hợp và blended finance kết hợp vốn nhà nước, ngân hàng, tư nhân và tài chính quốc tế; trong đó Nhà nước đóng vai trò “vốn mồi” giảm thiểu rủi ro.

Song song với đó, thị trường carbon cần được xem là một cấu phần tài chính mới của nông nghiệp. Việc thí điểm vùng lúa carbon thấp, HTX carbon, tín chỉ

methane và cơ chế giao dịch tín chỉ sẽ tạo thêm nguồn thu cho người sản xuất, giúp chuyển từ mô hình “bán nông sản” sang “nông sản kết hợp dịch vụ môi trường”.

### Biểu đồ 5. Khơi thông nguồn vốn tín dụng xanh



Đề doanh nghiệp, HTX và trang trại thực sự tiếp cận được tài chính xanh, cần chuyển từ hỗ trợ vốn đơn lẻ sang xây dựng hệ sinh thái tài chính xanh hoàn chỉnh, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và chia sẻ rủi ro; ngân hàng đổi mới mô hình tín dụng; HTX trở thành thiết chế hấp thụ vốn; còn doanh nghiệp và người sản xuất chủ động thay đổi mô hình quản trị và sản xuất ngay từ đầu.

## VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

### 1. Kết luận

Chuyển đổi sang nền nông nghiệp xanh, tuần hoàn, phát thải thấp và phát triển bền vững là yêu cầu tất yếu của Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng, các cam kết Net Zero và tiêu chuẩn xanh ngày càng trở thành điều kiện tham gia thị trường. Đây đồng thời là cơ hội để tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng cao hơn, hiệu quả hơn và bền vững hơn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy thách thức quyết định của quá trình chuyển đổi không chỉ nằm ở quy mô nguồn lực tài chính mà chủ yếu ở khả năng tiếp cận và hấp thụ tài chính xanh của doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), trang trại và hộ sản xuất. Khác với sản xuất truyền thống, nông nghiệp xanh đòi hỏi đầu tư lớn hơn cho hạ tầng xanh, công nghệ giảm phát thải, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, quản trị ESG và carbon, trong khi phần lớn chủ thể sản xuất còn hạn chế về quy mô, quản trị và liên kết chuỗi.

Mặc dù Việt Nam đã từng bước hình thành hệ thống chính sách về tăng trưởng xanh, tín dụng nông nghiệp, hỗ trợ HTX, tài chính khí hậu và thị trường carbon, nhưng khoảng cách giữa yêu cầu của hệ thống tài chính xanh với năng lực tổ chức sản xuất và quản trị của khu vực nông nghiệp vẫn còn lớn. Điểm nghẽn hiện nay không đơn thuần là thiếu vốn mà là thiếu hệ sinh thái hấp thụ vốn xanh hiệu quả.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tài chính xanh chỉ phát huy hiệu quả khi gắn với chuyển đổi mô hình sản xuất, quản trị minh bạch, liên kết chuỗi và số hóa dữ liệu. Trong giai đoạn tới, Việt Nam cần chuyển từ tư duy “hỗ trợ vốn cho nông nghiệp xanh” sang xây dựng hệ sinh thái tài chính xanh cho nông nghiệp, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và chia sẻ rủi ro; tổ chức tín dụng đổi mới mô hình cấp vốn; HTX trở thành thiết chế trung gian hấp thụ tài chính xanh; doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị; còn người nông dân là chủ thể trực tiếp của chuyển đổi xanh.

## 2. Kiến nghị chính sách

Từ các kết quả phân tích, bài viết đề xuất bốn nhóm kiến nghị trọng tâm.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế tài chính xanh cho nông nghiệp. Cần sớm ban hành Bộ tiêu chí phân loại xanh (Green Taxonomy) cho nông nghiệp, làm cơ sở xác định dự án ưu tiên, thiết kế tín dụng xanh, hỗ trợ lãi suất và huy động tài chính khí hậu; đồng thời hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường carbon nông nghiệp, hệ thống MRV và cơ chế chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp, HTX và nông dân.

Thứ hai, đổi mới công cụ tài chính và tín dụng xanh. Cần thiết kế các gói tín dụng chuyên biệt cho nông nghiệp tuần hoàn, giảm methane, sản xuất hữu cơ và carbon thấp; chuyển mạnh từ cho vay dựa vào tài sản thế chấp sang tài chính chuỗi giá trị, lấy hợp đồng đầu ra, dữ liệu sản xuất và dòng tiền tương lai làm căn cứ cấp tín dụng; đồng thời phát triển cơ chế bảo lãnh tín dụng và blended finance cho vùng nguyên liệu phát thải thấp.

Thứ ba, phát triển HTX như thiết chế trung gian hấp thụ tài chính xanh. Cần ưu tiên xây dựng mô hình “HTX xanh – HTX số – HTX carbon”, có khả năng tổ chức vùng nguyên liệu, quản trị phát thải, vận hành dữ liệu truy xuất và kết nối doanh nghiệp, ngân hàng với người sản xuất. Song song với đó là chương trình nâng cao năng lực quản trị tài chính, ESG, MRV và huy động vốn cho HTX và doanh nghiệp nông nghiệp.

Thứ tư, thúc đẩy tái cấu trúc mô hình sản xuất theo hướng xanh và liên kết chuỗi. Doanh nghiệp, HTX và trang trại cần chủ động chuyển đổi mô hình sản xuất – kinh doanh theo hướng tuần hoàn, phát thải thấp, minh bạch tài chính và truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường và hệ thống tài chính xanh.

**Tóm lại:** Để huy động và phân bổ hiệu quả nguồn lực cho nông nghiệp xanh, Việt Nam cần chuyển từ hỗ trợ vốn đơn lẻ sang xây dựng hệ sinh thái tài chính xanh nông nghiệp, trong đó HTX giữ vai trò trung tâm hấp thụ vốn, doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị và Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, chia sẻ rủi ro và kích hoạt thị trường./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu quốc tế và nghiên cứu nền tảng

1. Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO). (2023). *Climate-smart agriculture sourcebook*. Rome: FAO.
2. Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC). (2022). *Climate Change 2022: Mitigation of Climate Change*. Cambridge University Press.
3. Climate Policy Initiative (CPI). (2023). *Global Landscape of Climate Finance 2023*. London/Washington DC: CPI.
4. World Bank. (2023). *Vietnam Country Climate and Development Report*. Washington, DC: World Bank.
5. International Finance Corporation (IFC). (2023). *Green Finance Opportunities in Agribusiness*. Washington, DC: IFC.
6. Asian Development Bank (ADB). (2022). *Financing Climate Action in Agriculture and Land Use*. Manila: ADB.
7. European Commission. (2020). *A Farm to Fork Strategy for a Fair, Healthy and Environmentally-Friendly Food System*. Brussels: European Commission.

### II. Văn kiện, chính sách và pháp luật của Việt Nam và Báo cáo chuyên ngành và tài liệu thực tiễn trong nước

8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. (2022). *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
9. Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
10. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050*.
11. Chính phủ Việt Nam. (2022). *Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC cập nhật năm 2022) của Việt Nam*.
12. Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 phê duyệt Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030*.
13. Chính phủ Việt Nam. (2015). *Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP)*.

14. Chính phủ Việt Nam. (2018). *Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.*
15. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2024). *Báo cáo tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và tín dụng xanh.* Hà Nội.
16. Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (2024). *Báo cáo phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn và giảm phát thải ở Việt Nam.* Hà Nội.
17. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn. (2024). *Báo cáo về phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn.* Hà Nội.